TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2025/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1997; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Minh N, sinh năm: 1996; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh T.

Căn cứ các Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn K và bà Vũ Thị Minh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Vũ Thị Minh N đều đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Vũ Thị Minh N có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh năm 2023 và Nguyễn Trí M, sinh năm 2023. Các đương sự

thỏa thuận: Giao 02 con chung có thông tin như nêu trên cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Vũ Thị Minh N (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Văn K chậm thực hiện nghĩa vụ, ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí sơ thẩm giải quyết ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Văn K tự nguyện chịu toàn bộ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001398 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả ông Nguyễn Văn K 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND P. P, tỉnh T;
(ĐKKH số 99 ngày 31/12/2019 tại UBND P. B cũ)
- Phòng THADS khu vực 2;
- Cổng TTĐT TAND Tối cao;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Xuân Lộc